

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẾN Số: 2038
Ngày: 11.5.2015

Số: 26 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2015

ĐẾN Số: 6478
Ngày: 18.4.15

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế

*10/8/15
VPC (Đy) / TT
Vn Thas...
Cac DV...
Uly*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Quốc gia về ứng dụng CNTT;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX(3b).HMT. 240

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 97 /SY-UBND

Tuyên Quang, ngày 06 tháng 5 năm 2015

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các Phó CVP UBND tỉnh;
- CV : TH, CNTT;
- Lưu VT, (Kh)

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Văn Tăng

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA CHÍNH PHỦ

**Thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014
của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam
về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu
phát triển bền vững và hội nhập quốc tế**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26 /NQ-CP
ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ)*

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thể chế hoá và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 36-NQ/TW); thực hiện thành công Đề án Đưa Việt Nam sớm trở thành nước mạnh về công nghệ thông tin và truyền thông.

2. Xác định các nhiệm vụ để các Bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 36-NQ/TW, để công nghệ thông tin thực sự trở thành phương thức phát triển mới, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

Nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết 36-NQ/TW đề ra, trong thời gian tới, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần cụ thể hoá và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Đổi mới, nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết 36-NQ/TW, đặc biệt là các quan điểm mới của Đảng về vị trí, vai trò của công nghệ thông tin trong tiến trình phát triển bền vững và hội nhập quốc

tế của từng ngành, từng lĩnh vực; đến các Bộ, ngành, địa phương, tổ chức Đảng các cấp, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân.

b) Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về công nghệ thông tin trong xã hội, bảo đảm công nghệ thông tin là một trong các nội dung trọng tâm, thường xuyên trong các chương trình truyền thông của các cơ quan thông tin đại chúng các cấp. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công nghệ thông tin.

c) Kiện toàn, thành lập Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin các Bộ, ngành và địa phương do người đứng đầu cơ quan làm Trưởng ban. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, phương thức chỉ đạo của Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin và các Ban Chỉ đạo công nghệ thông tin. Người đứng đầu các cấp, các ngành chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin.

d) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung để đảm bảo ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung quan trọng, bắt buộc phải có trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công, chương trình mục tiêu năm 2015 và giai đoạn 2016 - 2020, cũng như trong các đề án, dự án đầu tư của quốc gia, Bộ, ngành và địa phương.

đ) Tổ chức xây dựng và nhân rộng các mô hình tiêu biểu và điển hình tiên tiến trong ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin. Đưa chỉ tiêu ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào chỉ tiêu Thi đua - Khen thưởng của các Bộ, ngành, địa phương và cơ quan, đơn vị.

2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin

a) Sửa đổi Luật Công nghệ thông tin và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành phù hợp với thực tế, đảm bảo quản lý theo kịp sự phát triển.

b) Hoàn thiện Luật An toàn thông tin và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các nội dung về an toàn thông tin theo hướng quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với tổ chức, cá nhân; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin.

c) Hoàn thiện và bổ sung quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành, hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ và hiệu quả trong ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin.

d) Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn theo hướng bảo đảm mức phân bổ đủ mức ngân sách nhà nước hàng năm cho công nghệ thông tin và đáp ứng yêu cầu phát triển.

đ) Sửa đổi và hoàn thiện các quy định về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí để ưu tiên bố trí vốn cho công nghệ thông tin; hoàn thiện quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

e) Xây dựng Nghị định của Chính phủ về dịch vụ công nghệ thông tin và các chính sách, quy định về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý cho dịch vụ công nghệ thông tin. Xây dựng các văn bản hướng dẫn triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin theo hình thức đối tác công - tư (PPP), xây dựng và vận hành (BO), xây dựng, vận hành và chuyển giao (BOT) nhằm huy động nguồn lực xã hội tham gia.

g) Xây dựng các chính sách hỗ trợ đầu tư, nghiên cứu - phát triển, sáng tạo các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin trọng điểm mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh; các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng trong các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, Chính phủ điện tử, quốc phòng, an ninh, tổ chức kinh tế nhà nước trọng yếu nhằm đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

h) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên, tạo điều kiện các doanh nghiệp trong nước làm tổng thầu các dự án đầu tư hoặc dự án cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin cho cơ quan nhà nước; chính sách hỗ trợ hình thành một số doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam tầm cỡ khu vực và thế giới.

i) Xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ, chế độ phụ cấp đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

k) Tạo điều kiện thuận lợi, áp dụng mức ưu đãi cao nhất về thuế, đất đai, tín dụng cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin.

l) Xây dựng, ban hành quy định về triển khai các hệ thống thông tin có quy mô và phạm vi triển khai từ Trung ương đến địa phương.

m) Xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn nhằm nâng cao tính pháp lý của lưu trữ điện tử và chữ ký số.

n) Hoàn thiện Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý các thiết bị, phần mềm ghi âm, ghi hình, định vị nguy trang, chế áp thông tin di động tế bào. Xây dựng Nghị định của Chính phủ về công tác an ninh mạng.

o) Nghiên cứu, xây dựng Luật An ninh thông tin.

p) Xây dựng Nghị định của Chính phủ về quản lý, khai thác và vận hành Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền.

3. Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin quốc gia đồng bộ, hiện đại

a) Triển khai có hiệu quả Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020 và các đề án, dự án liên quan.

b) Xây dựng và triển khai Chương trình phát triển hạ tầng băng rộng quốc gia giai đoạn đến năm 2020.

c) Xây dựng danh mục và tiêu chí xác định các cơ sở dữ liệu quốc gia.

d) Đẩy nhanh xây dựng và đưa vào khai thác có hiệu quả hệ thống thông tin quốc gia, trọng tâm là các cơ sở dữ liệu quốc gia về: công dân, đất đai, tài nguyên, doanh nghiệp, quản lý hồ sơ hành chính điện tử, lao động, người có công và các đối tượng chính sách xã hội, thông tin khoa học và công nghệ.

đ) Xây dựng các quy định, hướng dẫn về thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Tăng cường kết nối, tích hợp, trao đổi thông tin, dữ liệu giữa các cơ quan Đảng và Nhà nước.

e) Tăng cường khai thác hiệu quả hạ tầng thông tin quốc gia hiện có, tiếp tục đầu tư nâng cấp, xây dựng mới hệ thống mạng đường trục quốc gia, các đường truyền dẫn cáp quang trên đất liền, trên biển và các vệ tinh viễn thông phục vụ thị trường trong nước và khu vực; hình thành siêu xa lộ thông tin trong nước và kết nối với thế giới; bảo đảm hệ thống cơ sở hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin quốc gia hiện đại, tiên tiến, đồng bộ.

Xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông, công nghệ thông tin dùng chung. Nâng cấp và hoàn thiện mạng viễn thông công cộng; mở rộng mạng cáp quang băng rộng đến các xã, phường, thôn, bản trên cả nước; mạng dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Đẩy mạnh phát triển, hiện đại hoá mạng lưới viễn thông biển, đảo để bảo đảm thông tin phục vụ quốc phòng, an ninh, an toàn sinh mạng của con người trên biển.

g) Đẩy mạnh triển khai Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020.

h) Xây dựng và đưa vào khai thác Hệ thống Cổng thông tin điện tử cơ quan hành chính nhà nước thống nhất, thông suốt từ Trung ương đến địa phương; Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền.

4. Ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi, thiết thực, có hiệu quả cao

a) Đẩy mạnh triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015.

b) Xây dựng có hiệu quả Chính phủ điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao và trong nhiều lĩnh vực, gắn kết chặt chẽ với triển khai Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. Tổ chức nhân rộng mô hình tiêu biểu Chính quyền điện tử. Tăng cường đánh giá, đôn đốc triển khai công tác ứng dụng công nghệ thông tin.

c) Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Xây dựng quy định việc trao đổi văn bản điện tử trên môi trường mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

d) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản trị toàn diện các hoạt động của các tổ chức, đơn vị kinh tế nhà nước, trước hết là các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp lớn.

đ) Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 - 2020, Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2015 và các giai đoạn tiếp theo.

e) Xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, các lĩnh vực nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý điều hành của cơ quan nhà nước, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, đặc biệt là các ngành kinh tế, kỹ thuật, các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, giao thông, xây dựng, điện, thuế, hải quan, tư pháp...

h) Ưu tiên nguồn lực, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin nhằm:

- Số hóa tài liệu học tập, sách giáo khoa gắn với đổi mới nội dung, phương thức dạy, học, khảo thí; tạo điều kiện cho mọi lứa tuổi được truy cập, học tập, đào tạo; phát triển hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin trong nghiên cứu, triển khai, đào tạo và giảng dạy khoa học và công nghệ tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu các cấp.

- Phục vụ công tác tư vấn, khám, chữa bệnh, y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe nhân dân; xây dựng hệ thống y tế điện tử, hệ thống bệnh án điện tử, kết hợp hệ thống bảo hiểm y tế điện tử.

- Phát triển hạ tầng giao thông, cảng biển để nâng cao hiệu quả khai thác, vận hành, bảo đảm đồng bộ, hiện đại.

- Nâng cao hiệu quả vận hành và cung cấp điện.

- Triển khai các dự án, đề án xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị.

- Thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và thông quan điện tử.

i) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp và hiện đại hóa nông thôn; góp phần hỗ trợ dịch chuyển cơ cấu kinh tế từ thuần nông sang hướng nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ và thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp phát triển nông thôn.

k) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bảo hiểm xã hội, quản lý nguồn nhân lực, lao động, trong thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, hỗ trợ người cao tuổi, thương binh, khuyết tật, bảo vệ và chăm sóc trẻ em. Xây dựng hạ tầng thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý, giám sát và thực hiện chính sách xã hội đối với người có công và an sinh xã hội.

l) Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý, điều hành, cung cấp thông tin phục vụ dự báo, cảnh báo giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác cứu nạn, cứu hộ, phòng, chống thiên tai.

m) Đẩy mạnh việc sử dụng chứng thực chữ ký số và xác thực điện tử, bảo mật thông tin trong cơ quan nhà nước và tổ chức, doanh nghiệp.

5. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, kinh tế tri thức

a) Triển khai Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp công nghệ thông tin đến năm 2020, tầm nhìn 2025; đẩy mạnh triển khai Kế hoạch hành động phát triển ngành công nghiệp điện tử thực hiện Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam - Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các dự án trọng điểm về thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ thông tin như:

- Dự án hỗ trợ nâng cao năng lực hoạt động và sức cạnh tranh của các tổ chức, doanh nghiệp, thông qua các hoạt động hỗ trợ xây dựng và áp dụng các chuẩn, tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến công nghệ thông tin và các hoạt động hỗ trợ khác. Tập trung phát triển hệ sinh thái công nghiệp, dịch vụ công nghệ thông tin.

- Dự án phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh, có hàm lượng tri thức và công nghệ, giá trị gia tăng cao. Tập trung hỗ trợ hoạt động nghiên cứu phát triển và thương mại hóa sản phẩm. Thúc đẩy phát triển và khai thác sử dụng sản phẩm, dịch vụ phần mềm nguồn mở.

- Dự án hỗ trợ phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung, trong đó tập trung vào các khu trọng điểm tại ba thành phố lớn Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh. Hỗ trợ nâng cao năng lực, tạo chuỗi liên kết khu công nghệ thông tin tập trung.

- Dự án hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin tại khu vực Trung du và miền núi Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, vùng kinh tế phía Nam theo các Kết luận của Bộ Chính trị.

b) Xây dựng, phê duyệt và triển khai Đề án Quỹ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam theo hướng xã hội hóa.

c) Rà soát, hoàn thiện các chính sách thu hút có chọn lọc đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) về công nghệ thông tin, ưu tiên thu hút đầu tư vào ngành công nghiệp phần mềm, sản xuất nội dung số, công nghiệp bán dẫn, sản xuất vi mạch điện tử, kiểm tra, kiểm thử sản phẩm vi mạch điện tử; gia tăng tỷ lệ nội địa hóa cho ngành công nghiệp phần cứng - điện tử.

d) Xây dựng chính sách khuyến khích đầu tư vào các cơ sở nghiên cứu - phát triển, kinh doanh, phân phối sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của Việt Nam ở nước ngoài, nhằm tăng cường nhận chuyển giao công nghệ, thu hút chất xám và quảng bá thương hiệu Việt Nam.

đ) Triển khai các dự án đầu tư xây dựng, phát triển một số khu công nghệ thông tin tập trung có môi trường tốt, vị trí thuận lợi, hạ tầng hiện đại. Hình thành chuỗi các khu công nghệ thông tin tập trung, công viên phần mềm, các vườn ươm doanh nghiệp và trung tâm cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin đạt chuẩn quốc tế.

e) Mở rộng thị trường nội địa, triển khai thực hiện hiệu quả Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông; ưu tiên sử dụng các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin thương hiệu Việt Nam, được tạo ra trong nước.

g) Đa dạng hóa thị trường ngoài nước, khai thác có hiệu quả các thị trường tiềm năng, chủ động tham gia vào mạng phân phối toàn cầu, phát triển nhanh hệ thống phân phối các sản phẩm công nghệ thông tin có lợi thế cạnh tranh.

h) Tăng cường triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại cho công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp điện tử trong Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, chú trọng các thị trường trọng điểm như Bắc Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản.

6. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đạt chuẩn quốc tế, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu, làm chủ và sáng tạo công nghệ mới

a) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để đổi mới phương thức quản lý, nội dung và chương trình đào tạo, phương thức dạy và học nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

b) Ưu tiên nguồn lực, đẩy mạnh triển khai có hiệu quả Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

c) Tăng cường thông tin, dự báo và định hướng phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin Việt Nam theo nhu cầu thị trường trong nước và quốc tế.

d) Nghiên cứu, xây dựng dự án hỗ trợ nâng cao năng lực đào tạo và có cơ chế đặc thù để tăng quyền tự chủ cho một số cơ sở đào tạo, nghiên cứu trọng điểm về công nghệ thông tin.

đ) Xây dựng và triển khai đề án nâng cao năng lực nghiên cứu - phát triển, sáng tạo sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin của các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và các doanh nghiệp.

e) Tăng cường nghiên cứu, phát triển, hỗ trợ chế tạo, sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin và chuyển giao, ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm tỷ lệ phân bổ phù hợp kinh phí chi cho các hoạt động này trong tổng ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm của quốc gia cũng như từng địa phương.

g) Xây dựng đề án hỗ trợ nâng cấp cơ sở vật chất, phòng thực hành với trang thiết bị và các công nghệ tiên tiến, cập nhật cho các cơ sở đào tạo, các khoa, trường trọng điểm về công nghệ thông tin nhằm đạt chuẩn quốc tế.

h) Đẩy mạnh việc dạy và học bằng tiếng Anh trong các chương trình đào tạo công nghệ thông tin tại cơ sở đào tạo bậc đại học, cao đẳng.

i) Xây dựng và triển khai dự án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn, công nghệ, kỹ năng mềm, ngoại ngữ cho nhân lực công nghệ thông tin, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo, cán bộ chủ chốt, chuyên gia, nhân lực chuyên môn trong các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ thông tin.

k) Triển khai thực hiện dự án xây dựng hệ thống sát hạch chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin, hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng công nghệ thông tin và khả năng áp dụng các chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin.

l) Xây dựng và triển khai dự án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, khai thác tài nguyên mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho cộng đồng, xã hội và người dân tạo nền tảng phát triển công dân điện tử.

m) Xây dựng và triển khai đề án, dự án hỗ trợ đưa sinh viên và người mới tốt nghiệp ngành công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông đi đào tạo thực tế, kỹ năng làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong đào tạo, phát triển và sử dụng nhân lực công nghệ thông tin.

n) Xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ, chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin; tiêu chuẩn về trình độ công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp. Thu hút đội ngũ nhân lực công nghệ thông tin người Việt Nam ở nước ngoài chuyên giao về nước những tri thức và công nghệ tiên tiến hoặc về làm việc trong nước.

o) Tăng cường hoạt động nghiên cứu, tiếp nhận chuyên giao và làm chủ công nghệ mới, phần mềm nguồn mở, công nghệ mở, chuẩn mở.

p) Khuyến khích hợp tác phát triển, chuyên giao, mua bán công nghệ và quyền sở hữu trí tuệ; bảo hộ bản quyền đối với các sản phẩm công nghệ thông tin, điện tử thương hiệu Việt Nam.

7. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, nâng cao năng lực quản lý các mạng viễn thông, truyền hình, Internet

a) Xây dựng, tổ chức triển khai Chiến lược, kế hoạch bảo đảm an toàn, an ninh thông tin quốc gia. Đẩy mạnh triển khai Quy hoạch phát triển an toàn thông tin số quốc gia đến năm 2020 và các chương trình, dự án liên quan.

b) Ưu tiên nguồn lực, tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020.

c) Đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong các chương trình, đề án hiện đại hoá Quân đội và Công an. Chú trọng ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong hiện đại hoá vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự theo hướng tự động hoá. Ưu tiên ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong các hệ thống thông tin chỉ huy, điều hành, quản lý của Quân đội; trong các đề án hiện đại hóa toàn diện các lực lượng Quân đội và Công an nhằm tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc và bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới.

d) Kiện toàn và phát huy vai trò bộ máy quản lý nhà nước về an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng từ Trung ương đến địa phương, trong đó chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ chuyên trách nhằm bảo đảm an toàn thông tin, an ninh thông tin, an ninh mạng. Các Bộ, ngành, địa phương cử Lãnh đạo phụ trách về an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng.

d) Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng Quân đội, Công an, Ngoại giao, Cơ yếu, Thông tin và Truyền thông để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực an toàn, an ninh thông tin. Bảo đảm an toàn các hệ thống thông tin trọng yếu quốc gia, làm chủ không gian mạng, sẵn sàng đối phó với các cuộc tấn công mạng, chiến tranh thông tin.

e) Nghiên cứu, xây dựng quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin hệ thống các cơ quan Đảng và Nhà nước.

g) Xây dựng và triển khai đề án nâng cao tiềm lực về công nghệ, cơ sở vật chất và nhân lực về an toàn, an ninh thông tin.

h) Xây dựng một số mạng xã hội thương hiệu Việt Nam cho thế hệ trẻ, tri thức, góp phần bảo vệ nền văn hoá, phát huy niềm tự hào dân tộc, xây dựng nhân cách, lối sống tốt đẹp.

i) Xây dựng hệ thống kiểm định an toàn thông tin; hệ thống quốc gia chống tấn công từ chối dịch vụ phân tán (DDoS).

k) Xây dựng và triển khai Chiến lược an ninh thông tin, an ninh mạng quốc gia, trong đó chú trọng về đào tạo chuyên gia an ninh mạng; về phòng chống chiến tranh mạng, chiến tranh công nghệ cao, ...

l) Xây dựng và triển khai đề án phát triển, mở rộng, tăng cường năng lực hệ thống giám sát an toàn thông tin cho các mạng công nghệ thông tin trọng yếu của Đảng và Chính phủ.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế

a) Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế trong lĩnh vực công nghệ thông tin

- Tăng cường nâng cao nhận thức và năng lực hợp tác quốc tế cho cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội và doanh nghiệp công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo, nghiên cứu và phát triển về công nghệ thông tin với các nước và tập đoàn đa quốc gia.

- Khuyến khích chuyển giao công nghệ, mô hình kinh doanh thành công từ nước ngoài vào Việt Nam. Thúc đẩy việc mua, sáp nhập các công ty công nghệ thông tin nước ngoài để tạo đột phá về thương hiệu, công nghệ và thị trường.

- Tăng cường các hoạt động hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với Chính phủ các nước về xây dựng chính sách, thể chế quản lý và thúc đẩy ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và an toàn, an ninh thông tin.

b) Thúc đẩy ngoại giao kinh tế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; nâng cao năng lực thu hút đầu tư của các tập đoàn công nghệ thông tin nước ngoài vào Việt Nam; tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

c) Tăng cường công tác hội nhập quốc tế về công nghệ thông tin, đẩy mạnh công tác đối ngoại, tranh thủ sự ủng hộ của các nước, các tổ chức, tập đoàn công nghệ thông tin quốc tế nhằm tạo các điều kiện có lợi cho Việt Nam tham gia vào các hiệp ước thương mại quốc tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Thông tin và Truyền thông:

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chung giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông cần chú trọng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tham mưu giúp Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin và Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo, đôn đốc và điều phối việc triển khai thực hiện Chương trình hành động này; báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tình hình thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Nghị quyết 36-NQ/TW và các chiến lược, chính sách, pháp luật về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về công nghệ thông tin trong xã hội.

d) Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cân đối và bố trí ngân sách hàng năm cho hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin để triển khai Chương trình hành động.

2. Bộ Tài chính:

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chung giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Tài chính chú trọng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách về tài chính, thuế và hải quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông cân đối và trình cấp thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ liên quan thuộc Chương trình hành động này; bảo đảm ưu tiên phân bổ kinh phí cho công nghệ thông tin và các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chung giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chú trọng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông ưu tiên, bảo đảm đủ nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển, vốn đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình hành động này nói riêng và cho các chương trình, đề án, dự án dự án ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin nói chung.

b) Chỉ đạo lồng ghép các nội dung về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

c) Huy động nguồn lực đầu tư phát triển cho lĩnh vực công nghệ thông tin; tăng cường thu hút đầu tư và xúc tiến đầu tư vào công nghệ thông tin.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chung giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo chú trọng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất và triển khai các cơ chế, chính sách, giải pháp về giáo dục và đào tạo nhằm thúc đẩy phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin.

b) Chỉ đạo, lồng ghép nội dung về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ liên quan đến chương trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ: bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chung giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cần chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành liên quan ưu tiên bố trí kinh phí khoa học công nghệ cho nghiên cứu, phát triển, sản xuất, chuyển giao, ứng dụng về công nghệ thông tin. Tăng cường năng lực nghiên cứu, sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ thông tin, từng bước làm chủ công nghệ mới, công nghệ mở, chuẩn mở.

6. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ: bên cạnh việc thực hiện các nhiệm vụ chung giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cần chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành liên quan tăng cường hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin gắn với bảo đảm an toàn, an ninh, bảo mật thông tin; tăng cường năng lực cho hệ thống giám sát an toàn bảo mật cho các hệ thống thông tin trọng yếu của Đảng, Nhà nước; phòng, chống chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin, bảo vệ chủ quyền số quốc gia, giữ vững an ninh, quốc phòng.

7. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

a) Căn cứ vào Nghị quyết 36 và Chương trình hành động của Chính phủ, chủ động tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc chức năng nhiệm vụ của mình; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ, ngành; định kỳ hàng năm sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

b) Chỉ đạo đưa mục tiêu, nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào kế hoạch công tác dài hạn, trung hạn và hàng năm; gắn nội dung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, giai đoạn 2016 - 2020 và các giai đoạn tiếp theo; bảo đảm ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung bắt buộc, quan trọng trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, cũng như từng đề án, dự án đầu tư của Bộ, ngành, cơ quan và đơn vị.

c) Chỉ đạo đưa chỉ tiêu ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào chỉ tiêu Thi đua - Khen thưởng; bảo đảm ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung thường xuyên trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, cũng như kiểm điểm hàng năm của Bộ, ngành, cơ quan và đơn vị.

d) Xây dựng dự toán chi thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

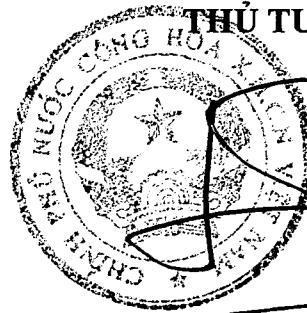
a) Căn cứ vào Nghị quyết 36 và Chương trình hành động của Chính phủ, chủ động tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc chức năng nhiệm vụ của mình; xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của địa phương; định kỳ hàng năm sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện gửi Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

b) Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm là một nội dung bắt buộc, quan trọng trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, cũng như trong từng đề án, dự án đầu tư của địa phương.

c) Chỉ đạo đưa chỉ tiêu ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào chỉ tiêu Thi đua - Khen thưởng; bảo đảm ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung thường xuyên trong hoạt động chỉ đạo, điều hành, cũng như kiểm điểm hàng năm của địa phương.

9. Trong quá trình thực hiện Chương trình hành động này, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình, các Bộ, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin xem xét, quyết định./

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục

DANH MỤC MỘT SỐ NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN CỤ THỂ

(Ban hành kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 26 /NQ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ)

TT	Tên nhiệm vụ, đề án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện / hoàn thành	Ghi chú
1	Đổi mới, nâng cao nhận thức và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin				
1.1	Tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng nội dung Nghị quyết 36-NQ/TW, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công nghệ thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	Ban Tuyên giáo Trung ương, các Bộ, ngành, địa phương	2014 - 2015	
1.2	Xây dựng, nhân rộng các mô hình tiêu biểu và điển hình tiên tiến về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các Bộ, ngành, địa phương	2015 - 2020	
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin				
2.1	Sửa đổi Luật Công nghệ thông tin và các văn bản hướng dẫn	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các Bộ, ngành liên quan	2015 - 2016	
2.2	Tiếp tục hoàn thiện Đề án Luật An toàn thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các Bộ, ngành liên quan	2014 - 2015	
2.3	Sửa đổi Nghị định 102/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan liên quan	2015	
2.4	Xây dựng và trình ban hành Nghị định của Chính phủ về dịch vụ công nghệ thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các Bộ, ngành liên quan	2015	
2.5	Xây dựng và trình ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Quy chế hoạt động của Cổng Thông tin điện tử cơ quan hành chính nhà nước các cấp, thống nhất từ Trung ương đến địa phương	Văn phòng Chính phủ	Các Bộ, ngành, địa phương	2015	
2.6	Hoàn thiện Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý các loại thiết bị, phần mềm ghi âm, ghi hình, định vị nguy trang, chế áp thông tin di động tế bào	Bộ Công an	Các Bộ, ngành liên quan	2015	

2.7	Xây dựng Nghị định của Chính phủ về công tác an ninh mạng	Bộ Công an	Các Bộ, ngành liên quan	2015	
2.8	Xây dựng Nghị định của Chính phủ về quản lý, khai thác và vận hành Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền	Bộ Tư pháp	Các Bộ, ngành và địa phương liên quan	2015	
3	Xây dựng hệ thống hạ tầng thông tin quốc gia đồng bộ, hiện đại				
3.1	Xây dựng và trình ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục và tiêu chí xác định các cơ sở dữ liệu quốc gia	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các Bộ, ngành liên quan	2015	
3.2	Tiếp tục xây dựng và đưa vào sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, trước hết là các cơ sở dữ liệu về: công dân, đất đai, tài nguyên; doanh nghiệp; quản lý hồ sơ hành chính điện tử; lao động, người có công và các đối tượng chính sách xã hội; thông tin khoa học và công nghệ	Bộ Công an, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ và các Bộ, ngành liên quan	Bộ, ngành và địa phương	2015- 2020	Tiếp tục triển khai theo các Đề án đã được phê duyệt và các Đề án riêng
3.3	Xây dựng và trình ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển hạ tầng băng rộng quốc gia giai đoạn đến năm 2020	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các Bộ, ngành liên quan	2015	
4	Ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi, thiết thực, có hiệu quả cao				
4.1	Xây dựng và trình ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ	Bộ Thông tin và	Các Bộ, ngành,	2015	

	phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020	Truyền thông	địa phương		
4.2	Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, lĩnh vực, đặc biệt các ngành, lĩnh vực liên quan đến người dân và doanh nghiệp như: giáo dục, y tế, giao thông, điện, thủy lợi, hạ tầng đô thị lớn, nông nghiệp - nông thôn, lao động, người có công và các đối tượng chính sách xã hội, ...	Các Bộ, ngành và địa phương	Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành và địa phương	2015 - 2020	
4.3	Xây dựng và trình ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các Bộ, ngành, địa phương	2015	
5	Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, kinh tế tri thức				
5.1	Xây dựng và triển khai Chương trình đầu tư có mục tiêu về công nghệ thông tin giai đoạn 2016 - 2020	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính	2015 - 2020	
6	Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đạt chuẩn quốc tế, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, tiếp thu, làm chủ và sáng tạo công nghệ mới				
6.1	Xây dựng và trình ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hỗ trợ các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và dạy nghề	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ	2015	Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 9/6/2014 của Chính phủ
7	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quốc phòng, an ninh; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, nâng cao năng lực quản lý các mạng viễn thông, truyền hình, Internet				
7.1	Xây dựng và triển khai Chương trình đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin bảo đảm an toàn thông tin và xây dựng lực lượng tác chiến mạng	Bộ Quốc phòng	Các Bộ, ngành liên quan	2015 - 2020	Triển khai theo các Đề án độc lập

7.2	Xây dựng và trình ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược an ninh thông tin, an ninh mạng quốc gia	Bộ Công an	Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành liên quan	2015	
8	Tăng cường hợp tác quốc tế				
8.1	Xây dựng Đề án trình Chính phủ về việc tham gia Hiệp định công nghệ thông tin mở rộng - ITA 2	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao	2014 - 2015	